TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2025/HS-PT
Ngày: 31/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông **Lê Thanh Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Minh Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 99/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo Đặng Thị C, Trần Thị H, Mai Thị Hương G, Nguyễn Anh H1, Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Hoài B, Cao Hoài A, Nguyễn Tấn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HSST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp).

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Đặng Thị C**, sinh năm 1978, tại Tiền Giang. Căn cước công dân số: 083006014761 cấp ngày: 28/8/2022. Nơi cấp: Cục C5 về TTXH – Bộ C6; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: tổ F, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là tổ F, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn Q (chết) và bà Hà Thị C1 (chết); Chồng: Huỳnh Văn H2, sinh năm: 1972; Bị cáo có 02 người con sinh năm 1997 và 2010; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2024, chuyển tạm giam từ ngày 03/3/2024 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Hoài B**, sinh năm 1996 tại Tiền Giang. Căn cước công dân số: 082096010401 cấp ngày: 21/11/2022. Nơi cấp: Cục C5 về TTXH – Bộ C6; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị D; Vợ: Lê Thị Diệu H4; bị cáo có 01 người con sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 04/3/2024 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Tấn T,** sinh năm 1993 tại Tiền Giang. CCCD số: 082093008962. Cấp ngày: 29/9/2022. Nơi cấp: Cục C5 về TTXH – Bộ C6; Tên gọi khác: Quậy; Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị L1; Vợ: Nguyễn Hồng Mỹ C2, sinh năm: 1995; Bị cáo có 02 người con sinh năm 2018 và 2021; Về nhân thân: ngày 04/3/2013 bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 07 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2013/HSST về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Bị cáo đã chấp hành án xong ngày 05/7/2017; Tiền án: Không; Tiền sự: 01. Ngày 14/5/2024 bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 15.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2503/QĐ-XPHC về hành vi tàng trữ trái phép các loại vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí thô sơ. Bị cáo đã chấp hành xong ngày 04/6/2024.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2024, chuyển tạm giam từ ngày 04/3/2024 đến ngày 31/12/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Thị Hải P** sinh năm 1976, tại Tiền Giang.CCCD số: 082176010710. Cấp ngày: 04/10/2022. Nơi cấp: Bộ C6; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn A1 và bà Nguyễn Thị Bé T1. Chồng: Huỳnh Văn C3, sinh năm: 1973. Bị cáo có 02 người con sinh năm 2000 và 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2024 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Cao Hoài A,** sinh năm 1983 tại Tiền Giang. CCCD số: 082083014051, cấp ngày: 06/01/2022, nơi cấp: Cục C5 về TTXH – Bộ C6; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn T2 và bà Phạm Thị Thanh T3; Vợ: Nguyễn Thị Thu T4, sinh năm: 1983 (đã ly hôn). Bị cáo có 02 người con sinh năm 2007 và 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 04/3/2024 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. **Trần Thị H** sinh năm 1972 tại Tiền Giang. CCCD số: 082172007876, cấp ngày: 28/8/2022, nơi cấp: Cục C5 về TTXH – Bộ C6; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn N (chết) và bà Trần Thị D1 (chết). Sống như vợ chồng với Nguyễn Thành L2, sinh năm: 1972; Bị cáo có 02 người con sinh năm 1993 và 2009.

Về nhân thân: Ngày 16/9/2016 bị Ủy ban nhân dân huyện C xử phạt 15.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14408/QĐ-XPVPHC về hành vi bán số đề ăn thua bằng tiền cho người khác (làm chủ lô, đề). Đã chấp hành xong ngày 23/9/2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2024 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. **Nguyễn Anh H1,** sinh năm 1986, tại Tiền Giang. CCCD số: 082086010062. Cấp ngày: 23/7/2022. Nơi cấp: Cục C5 về TTXH – Bộ C6; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp A, xã T huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H5. Vợ: Võ Thị Mỹ H6, sinh năm: 1980; Bị cáo có 02 người con sinh năm 2009 và 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 04/3/2024 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. **Mai Thị Phương G1,** sinh năm 1979, tại Tiền Giang. CCCD số: 082179008176. Cấp ngày: 19/02/2022. Nơi cấp: Cục C5 về TTXH – Bộ C6; Tên

gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp M, xã L huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn N1 và bà Nguyễn Thị T5. Chồng: Nguyễn Ngọc H7, sinh năm: 1974; Bị cáo có 02 người con sinh năm 1995 và 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 04/3/2024 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Thanh T6, Nguyễn Văn Chí L3, Nguyễn Huỳnh Trọng H8; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đỗ Thị Cẩm T7, Nguyễn Hoàng Mỹ C4; Huỳnh Hoàng T8 không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng tháng 01/2023 đến ngày 23/02/2024 các bị cáo Đặng Thị C, Nguyễn Thanh T6, Nguyễn Tấn T lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh để tổ chức đánh bạc cho nhiều người, bằng hình thức nhận mua số và giao bán lại cho thầu cấp trên để hưởng tiền chênh lệch giữa số tiền mua số đề và giao bán lại số đề. Hình thức mua bán số lô, số đề là hình thức người chơi đánh bạc đặt cược một số tiền nhất định vào con số mà tự lựa chọn và dự đoán sẽ trùng khớp với kết quả ở các lô của các đài xổ số kiến thiết miền N, miền T và miền B. Căn cứ vào kết quả mở thưởng hàng ngày của các đài xổ số miền N, miền T và miền B sẽ tính toán tiền thắng thua với nhau. Hàng ngày khu vực miền N có từ 03-04 đài quay số mở thưởng từ 16 giờ 15 phút đến 16 giờ 30 phút, có 18 lô/đài; khu vực miền T có từ 02-03 đài quay số mở thưởng từ 17 giờ 15 phút đến 17 giờ 30 phút, có 18 lô/đài; khu vực miền B có 01 đài quay số mở thưởng từ 18 giờ 15 phút đến 18 giờ 30 phút, có 27 lô/đài.

Khi người chơi đánh bạc có nhu cầu mua số lô, số đề sẽ nhắn tin SMS hoặc thông qua tài khoản Telegram cho các bị cáo với nội dung: đài xổ số_con số cần mua_hình thức mua (bao lô 02 con số, bao lô 03 con số, số đá, đầu đuôi)_số tiền tham gia.

Các bị cáo quy ước cách chơi số lô, đề như sau:

- "Đầu đuôi": Là mua số có hai chữ số của giải tám và hai chữ số cuối của giải đặc biệt. Đối chiếu với kết quả xổ số, nếu người đánh đề có số trùng của giải tám thì trúng "số đầu", nếu trùng hai chữ số cuối của giải đặc biệt thì trúng "số đuôi". Người chơi đề phải trả số tiền mua số "đầu" cộng số tiền mua số "đuôi", tỷ lệ trúng là 1 thắng 70. Nếu có nhiều số trúng thì nhân kết quả lên theo số lượng số trúng.

- "Bao lô 02 số": Là mua 02 số cuối của các giải từ giải tám đến giải đặc biệt. Đối chiếu với kết quả xổ số, nếu số mà người chơi đề mua trùng với 02 số của các giải đã mua thì trúng đề. Người chơi đề phải trả số tiền = số tiền mua mỗi con số x 18 lô (đối với đài miền B thì nhân 27 lô), tỷ lệ trúng là 1 thắng 70. Nếu có nhiều số trúng thì nhân kết quả lên theo số lượng số trúng.

- "Bao lô 03 số" (xỉu chủ): Là mua số có 03 chữ số của các giải từ giải bảy đến giải đặc biệt. Đối chiếu với kết quả xổ số, nếu số mà người chơi đề mua trùng với số của các giải đã mua thì trúng đề. Người chơi đề phải trả số tiền mua số đề = số tiền mua mỗi con số x 17 lô (đối với đài miền B thì x23 lô), tỷ lệ trúng là 1 thắng 600. Nếu có nhiều số trúng thì nhân kết quả lên theo số lượng số trúng.

- "Số đá": Là mua một cặp số có hai chữ số là 02 chữ số cuối của 18 lô giải thưởng (miền B 27 lô). Nếu kết quả xổ số kiến thiết có đồng thời cả 02 số mà người chơi đề mua thì trúng đề. Người chơi đề phải trả số tiền = số tiền mua mỗi con số x2x18 (đài miền B thì x27), tỷ lệ trúng là 1 thắng 500. Nếu có nhiều số trúng thì nhân kết quả lên theo số lượng cặp số trúng.

*** Đối với bị cáo Đặng Thị C**

Khoảng tháng 01/2023 đến ngày 23/02/2024 bị cáo C nhận ghi số đề của Nguyễn Thành T9 (đại lý cấp dưới), Mai Thị Phương G1, Trần Thị H, Nguyễn Anh H1, Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Hoài B, chị N2 (chưa rõ nhân thân), chị T12 (chưa rõ nhân thân), V (chưa rõ nhân thân), H9 (chưa rõ nhân thân), T10 (chưa rõ nhân thân), Thái D2 (chưa rõ nhân thân) theo kết quả sổ số kiến thiết miền N, miền T và miền B qua nhắn tin vào điện thoại "036445646", "0374119948" hoặc tài khoản Telegram tên "Su Su" đăng ký bởi số điện thoại "0364456246", tên "Aaabe9" đăng ký bởi số điện thoại "0942151539" của Đặng Thị C. Sau khi nhận tin nhắn C sẽ nhắn tin lại để xác nhận đồng ý nhận bằng số 1,2,3,4…hoặc chữ "OK" còn không nhận mua số đề thì bị cáo C sẽ nhắn tin chữ "trả". Thời gian chuyển tin nhắn và xác nhận tin nhắn phải trước giờ các đài xổ số các miền mở thưởng theo từng ngày cụ thể: Các đài miền N trước 16 giờ; miền T trước 17 giờ; miền B trước 18 giờ.

Sau khi nhận phơi đề từ tin nhắn SMS hoặc tin nhắn trên tài khoản Telegram của người chơi sẽ tổng hợp lại rồi chuyển giao cho một người tên "Nam" ở Quận F, thành phố Hồ Chí Minh (chưa rõ nhân thân) qua số điện thoại "0962508632". Khi có kết quả thì N3 sẽ tính tiền thắng thua, tiền hoa hồng và dùng tài khoản số 070130141534 của Ngân hàng thương mại cổ phần S2 (Ngân hàng S3) tên Nguyễn Thành P1 chuyển vào tài khoản số 100800711959 tại Ngân hàng thương mại cổ phần C7 (V1) tên "Đặng Thị C" để bị cáo C thanh toán tiền thắng thua cho người đánh bạc trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển

khoản ngân hàng và nhận tiền hoa hồng được hưởng. Tiền hoa hồng bị cáo C được hưởng là 0,2% khi đại lý cấp dưới đánh xỉu chủ ba con số, các hình thức khác thì giao lại cho "Nam" bằng giá nhận.

Ngày 23/02/2024 Đặng Thị C đưa cho Nguyễn Hoài B 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu vàng gold có lắp sim số 0981.989.647 để B giúp nhận các tin nhắn chơi số lô đề của đại lý cấp dưới và người đánh bạc chuyển đến và chuyển giao số đề cho người tên "Nam". Cụ thể:

1. Nguyễn Thành T9:

Ngày 23/02/2024 Nguyễn Thanh T6 sử dụng điện thoại di động hiệu Opp gắn sim số 0334.182.106 (không đăng ký chính chủ) nhắn tin SMS qua số điện thoại "0981.989.647" cho bị cáo C gửi tổng cộng 36 tin nhắn có chứa phơi số đề (có 01 tin nhắn chưa được bị cáo Chính xác N4), với số tiền phơi số đề (tiền xác) là 94.965.900 đồng (Chín mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm đồng) gồm: tiền xác các đài miền N là 58.357.900 đồng, miền T là 23.350.400 đồng, miền B: 13.257.600 đồng; tiền trúng số là 78.370.000 đồng (Bảy mươi tám triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng), gồm tiền trúng các đài miền N là 59.620.000 đồng, miền T là 18.750.000 đồng. Bị phát hiện trước khi có kết quả xổ số các đài miền B nên không tính thắng thua.

Tổng số tiền đánh bạc là 173.335.900 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm đồng) đồng, gồm đài miền N là 117.977.900 đồng + đài miền T11 là 42.100.000 đồng + miền B là 13.257.600 đồng.

2. Mai Thị Phương G1: Khoảng 15 giờ ngày 23/02/2023 bị cáo G1 sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung gắn sim số 0396.688.367 (sim không đăng ký chính chủ) để nhắn tin SMS đến số điện thoại 0981.989.646 của Đặng Thị C mua số đề, tổng cộng 08 tin nhắn có chứa số phơi đề, số tiền xác là 33.218.600 (Ba mươi ba triệu hai trăm mười tám nghìn sáu trăm) đồng, gồm: đài miền B là 8.221.500 đồng, đài miền T là 7.560.000 đồng, đài miền N là 17.437.100 đồng. Sau khi nhận được tin nhắn Đặng Thị C nhắn tin trả lời số "1,2,3,4,5…" để xác nhận đồng ý ghi số đề của G1.

Đối chiếu kết quả xổ số ngày 23/02/2024 xác định số trúng các đài miền N của bị cáo G1 là 12.950.000 (Mười hai triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng, các số đề mua các đài miền T11 không trúng và khi bị phát hiện các đài miền B chưa có kết quả xổ số nên không tính tiền trúng thưởng. Khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày khi biết bị cáo C bị bắt bị cáo G1 vứt điện thoại có chứa sim số 0396.688.367 và hủy hết các tài liệu giấy tờ liên quan đến việc đánh bạc.

Ngoài ra, bị cáo G1 còn khai nhận khoảng nữa cuối năm 2023, hàng ngày bị cáo có sử dụng số điện thoại 0396.688.367 để nhắn tin SMS đến số điện thoại

“0364.456.246”, “0981.989.647” của Đặng Thị C để gửi mua số đề, tuy nhiên không thu thập được dữ liệu số phơi đề nên không xác định được số tiền đánh bạc để làm căn cứ xử lý.

Số tiền đánh bạc của Mai Thị Phương G1 là 46.168.600 (Bốn mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm) đồng, gồm: tiền đánh bạc đài miền B1 là 8.221.500 đồng+ đài miền N là 30.387.100 đồng + đài miền T11 là 7.560.000 đồng.

3. Nguyễn Thị Hải P: Khoảng tháng 01/2024 đến ngày 23/02/2024, hàng ngày Nguyễn Thị Hải P sử dụng điện thoại Samsung gắn sim số “0766827593” do bị cáo đăng ký sim chính chủ để nhận mua bán số lô, số đề với nhiều người và nhắn tin SMS đến số điện thoại “0364.456.246”, “0981.989.647” của Đặng Thị C để mua số đề. Sau khi có kết quả xổ số các đài thì bị cáo C tính thắng thua và trực tiếp thanh toán bằng tiền mặt không thông qua trung gian hay hình thức khác. Cụ thể:

Từ ngày 26/01/2024 đến ngày 22/02/2024 Nguyễn Hải P gửi 62 tin nhắn có chứa phơi số đề cho bị cáo C, với tổng số tiền phơi đề là 196.626.500 (Một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng) đồng, tiền thắng là 178.700.000 (Một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Ngày 23/02/2024 bị cáo Hải P gửi 04 tin nhắn có chứa phơi số đề cho bị cáo C, với tổng số tiền phơi đề là 14.931.000 (Mười bốn triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn) đồng. Đối chiếu kết quả sổ số các đài miền N và miền T thì tiền thắng của bị cáo là 15.500.000 (Mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng. Bị phát hiện trước khi các đài miền B có kết quả xổ số nên không tính tiền thắng thua.

Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Thị Hải P là 196.626.500 đồng + 14.931.000 đồng (tiền xác) + 178.700.000 đồng (tiền thắng) + 15.500.000 đồng (tiền thắng)= 405.757.500 đồng (Bốn trăm năm triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

4. Trần Thị H: Ngày 23/02/2024 bị cáo có sử dụng điện thoại Nokia màu trắng di động gắn sim số “0763286657” nhắn tin SMS qua số điện thoại qua số điện thoại “0981.989.647” của Đặng Thị C để mua số đề và được xác nhận đồng ý nhận ghi số. Tổng cộng có 07 tin nhắn chưa phơi số đề được Chính xác nhận, tổng số tiền phơi đề là 51.492.740 đồng (Năm mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng), gồm: tiền phơi đề các đài miền N là 34.184.040 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm tám mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi đồng), đài miền T11 là 17.308.700 đồng (Mười bảy triệu ba trăm lẻ tám nghìn bảy trăm đồng). Số tiền thắng cược số các đài là 27.710.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm mười nghìn đồng), gồm: miền N là 17.560.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), miền T11 là 10.150.000

đồng (Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Phơi đề các số đài miền B chưa được bị cáo Chính xác N4 đã nhận nên không tính thắng thua.

Ngoài ra H khai khoảng 12/02/2024 đến 22/02/2024 có sử dụng điện thoại Nokia màu trắng di động gắn sim số "0763286657" nhắn tin SMS qua số điện thoại qua số điện thoại "0364.456.246", "0981.989.647" của Đặng Thị C để mua số lô, đề. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền B, T11, N3 thì sẽ đối chiếu tính thắng thua, số tiền thắng thua được thanh toán trược tiếp bằng tiền mặt. Khi biết bị cáo C bị bắt, H đã xóa tất cả các tin nhắn trong điện thoại, vứt bỏ điện thoại có gắn sim số trên xuống sông. Do đó, không xác định điện số tiền đánh bạc của bị cáo nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Tổng số tiền đánh bạc của Trần Thị H là 79.202.740 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm lẻ hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng), gồm số tiền đánh bạc các đài miền N là 51.744.040 đồng + đài miền T11 là 27.458.700 đồng.

5. Nguyễn Anh H1: Từ ngày 18/02/2024 đến ngày 22/02/2023 có sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh có gắn sim số 0975626008 để nhận chuyển lô số đề thông qua tin nhắn SMS đến số điện thoại "0364.456.246", "0981.989.647" của Đặng Thị C để mua số đề và được bị cáo Chính xác N4 đồng ý. Thỏa thuận thanh toán tiền ăn thua trực tiếp bằng tiền mặt hoặc tài khoản ngân hàng của H1 số tài khoản 070060832097 mở tại Ngân hàng S3, cụ thể:

Ngày 18/02/2024 Nguyễn Anh H1 gửi 10 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 15.764.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), tiền trúng số là 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngày 19/02/2024 H1 gửi 09 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 28.994.000 đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng), không trúng số.

Ngày 20/02/2024 H1 gửi 06 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 9.128.000 đồng (Chín triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng), tiền trúng số là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Ngày 21/02/2024 H1 gửi 10 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 5.376.000 đồng (Năm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), tiền trúng số là 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngày 22/02/2024 H1 gửi 06 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 13.594.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng), tiền trúng số là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Như vậy, từ ngày 18/02/2024 đến ngày 22/02/2024 Nguyễn Anh H1 gửi 41 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng số tiền xác là 72.856.000 (Bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng, số tiền trúng số là 16.800.000 (Mười sáu triệu tám trăm nghìn) đồng.

Ngày 23/02/2024 Nguyễn Anh H1 gửi 09 tin nhắn có chứa phơi số đề, được bị can Chính xác nhận 07 tin nhắn đồng ý nhận, 02 tin nhắn bị can C chưa đồng ý, tổng số tiền xác là 7.998.900 (Bảy mươi chín trăm chín mươi tám) đồng, tiền trúng số các đài miền N, miền T là 7.800.000 (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Bị phát hiện trước khi có kết quả xổ số đài miền B nên không tính thắng thua.

Bị cáo H1 biết bị cáo C bị công an bắt nên đã vứt bỏ điện thoại có gắn sim số trên (không rõ bỏ ở vị trí nào).

Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Anh H1 là 72.856.000 đồng + 7.998.900 (tiền xác) + 16.800.000 đồng + 7.800.000 đồng (tiền trúng số) = 105.454.900 đồng (Một trăm lẻ năm triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm đồng).

6. Nguyễn Hoài B: Ngày 23/02/2024 có dùng điện thoại di động hiệu Iphone 12 màu xanh gắn sim số 0367.782.971 nhắn tin SMS đến số điện thoại "0981.989.647" của Đặng Thị C để gửi số đề và được đồng ý xác nhận ghi đề. Tổng cộng có 24 tin nhắn có chứa phơi số đề với số tiền phơi đề là 33.478.200 (Ba mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm đồng) đồng, gồm tiền phơi đề đài miền N3 là 25.538.800 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng) và tiền phơi đề đài miền T11 là 7.939.400 đồng (Bảy triệu chín trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm đồng). Tổng tiền trúng số là 31.730.000 đồng (Ba mươi mốt triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng), gồm tiền trúng đài miền N là 21.350.000 đồng (Hai mươi mốt triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), miền T11 là 10.380.000 đồng (Mười triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra B khai nhận khoảng 02 tháng trước ngày 23/02/2024 hàng ngày ghi số đề của 02-04 người không rõ nhân thân, sau đó hằng ngày có dùng điện thoại di động hiệu Iphone 12 màu xanh gắn sim số 0367.782.971 nhắn tin SMS đến số điện thoại "0364.456.246", "0981.989.647" của Đặng Thị C để gửi số lô, đề nhằm hưởng hoa hồng. Chiều ngày 23/02/2024 khi biết C bị bắt, bị cáo Hoài B đã đập vỡ điện thoại gắn sim số trên và vứt bỏ xuống sông. Hiện tại bị cáo không nhớ thông tin của những người đã gửi số đề cho B. Do không xác định được số tiền đánh bạc và nhân thân của những người đã gửi số đề cho bị cáo B nên không có căn cứ xử lý hành vi trên của bị cáo.

Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Hoài B là 65.208.200 đồng (Sáu mươi lăm triệu hai trăm lẻ tám nghìn hai trăm đồng), gồm tiền đánh bạc đài miền N là 46.888.800 đồng + đài miền T11 là 18.319.400 đồng.

7. Người sử dụng số điện thoại "0795.958.517" theo bị cáo C khai người này tên Nguyễn Thị Xuân T12, nơi thường trú: ấp M, xã L huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16/02/2024 bị cáo C nhắn tin nhắn SMS cho số điện thoại "0795.958.517" nội dung "mn tổng 38765 t 587 3c14 dx 9 bu 15505. Mt 45467 t 720 3c7 dx3 bu 10773.mb 14869 t 85 3c5 da 8 thu 1514. Tc bu 24764. Cu thu 1812.tc bu 22952" theo C khai đây là kết quả tính tiền mua số vào ngày 15/02/2024 có nghĩa là tiền xác là 99.101.000 đồng (Chín mươi chín triệu một trăm lẻ một nghìn đồng), tiền trúng số là 122.860.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngày 16/02/2024 số điện thoại "0795.958.517" gửi 44 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 117.241.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn đồng), tiền trúng số là 142.660.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngày 17/02/2024 số điện thoại "0795.958.517" gửi 55 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 138.384.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng), tiền trúng số là 104.750.000 đồng (Một trăm lẻ tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 18/02/2024 số điện thoại "0795.958.517" gửi 56 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 110.350.000 đồng (Một trăm mười triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), tiền trúng số là 108.620.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngày 19/02/2024 số điện thoại "0795.958.517" gửi 63 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 102.671.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng), tiền trúng số là 64.310.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu ba trăm mười nghìn đồng).

Ngày 20/02/2024 số điện thoại "0795.958.517" gửi 57 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 121.538.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng), tiền trúng số là 122.410.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Ngày 21/02/2024 số điện thoại "0795.958.517" gửi 52 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 110.794.000 đồng (Một trăm mười triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng), tiền trúng số là 116.370.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ngày 22/02/2024 số điện thoại "0795.958.517" gửi 47 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 133.683.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng), tiền trúng số là 117.280.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền đánh bạc của số điện thoại "0795.958.517" (tên T12) từ ngày 16/02/2024 đến ngày 22/02/2024 là 933.762.000 đồng (tiền xác) + 781.980.000 đồng (tiền trúng) = 1.715.742.000 đồng (Một tỷ bảy trăm mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Ngày 23/02/2024 số điện thoại "0795.958.517" gửi 37 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng cộng tiền xác là 61.809.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu tám trăm lẻ chín nghìn đồng), tiền trúng số là 64.410.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Tổng số tiền đánh bạc của số điện thoại ""0795.958.517" (tên T12) là 995.571.000 đồng (tiền xác) + 846.390.000 (tiền trúng) = 1.841.961.000 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

8. Người lưu tên "athir bo" số điện thoại "0349414989"

Ngày 22/02/2024 theo Đặng Thị C khai một người tên N2 sử dụng số điện thoại "0349414989" nhắn 03 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng số tiền xác là 25.652.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng), tiền trúng là 39.024.000 đồng (Ba mươi chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Ngày 23/02/2024 N2 sử dụng số điện thoại "0349414989" nhắn 21 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng số tiền xác là 19.220.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), tiền trúng miền N, miền T11 là 11.280.000 đồng (Mười một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Do bị phát hiện trước khi có kết quả xổ số các đài miền B nên không tính thắng thua.

Số tiền đánh bạc của người lưu tên "athir bo" số điện thoại "0349414989" là 44.872.000 đồng + 50.304.000 đồng = 95.176.000 đồng (Chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

9. Số điện thoại 0826808918, bị cáo C khai người tên V nhà ở Chợ G2: Ngày 23/02/2024 gửi cho bị cáo C 04 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề với tổng số tiền xác là 8.862.700 đồng (Tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm đồng), không trúng số.

Số tiền đánh bạc của "V" số điện thoại 0826808918 là 8.862.700 đồng (Tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

10. Số điện thoại 096.246.0761 C khai người này tên "H9"

Ngày 23/02/2024 bị cáo C gửi tin nhắn SMS có nội dung "mn 3865 t dx2 thu 2865 mt thu 1688. M t 35 da 2 thu 295, tc thu 4848 cu 2341. T13 2507" đến số điện thoại " 0962.460.761" có nghĩa là kết quả tiền phơi đề và tiền trúng số các đài của ngày 22/02/2024 của người mua số sử dụng số điện thoại " 0962.460.761" với tổng tiền xác là 9.673.000 đồng (chín triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng), tiền trúng là 3.825.000 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 23/02/2024 số điện thoại "0962.460.761" gửi 02 tin nhắn có chứa phơi số đề, với tổng tiền xác là 6.751.900 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm đồng), tiền trúng số các đài miền N, miền T là 2.450.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Do bị phát hiện trước khi có kết quả xổ số các đài miền B nên không tính thắng thua.

Số tiền đánh bạc của người tên "H9" số điện thoại 0962.460.761 là 9.673.000 đồng +3.825.000 đồng + 6.751.900 đồng +2.450.000 đồng = 22.699.900 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn chín trăm đồng).

11. Người tên T10 sử dụng số điện thoại "0853083878"

Ngày 18/12/2023 T10 gửi 05 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề cho C với tổng số tiền xác là 15.310.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm mười nghìn đồng), tiền trúng số là 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/12/2023 T10 gửi 04 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề cho C với tổng số tiền xác là 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), không trúng số.

Ngày 20/12/2023 T10 gửi 02 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề cho C với tổng số tiền xác là 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng), tiền trúng số là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngày 21/12/2023 T10 gửi 03 tin nhắn SMS có chứa phơi số đề cho C với tổng số tiền xác là 14.190.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), tiền trúng số là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Số tiền đánh bạc của người tên T10 sử dụng số điện thoại "0853083878" là 45.240.000 đồng (tiền xác) +19.900.000 đồng (tiền trúng) = 65.140.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

12. Lưu tên Thái D2

Ngày 23/01/2023 gửi 03 tin nhắn SMS có chứa phơi đề cho bị cáo C với tổng số tiền xác là 476.000 đồng, không trúng số.

Số tiền đánh bạc của người tên Thái D2 là 476.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

*** Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T6**

Từ khoảng 11/2023, hàng ngày Nguyễn Thanh T6 có hành vi tổ chức đánh bạc bằng hình thức nhận ghi số đề của Nguyễn Tấn T và Cao Hoài A qua tin nhắn ứng dụng Telegram hoặc Facebook. Sau nhận số đề Nguyễn Thanh T6 chuyển số đề lại cho Đặng Thị C và một người tên A2 có số điện thoại "0969576778" nhà ở huyện C tỉnh Tiền Giang để hưởng hoa hồng, được tính như sau: Hưởng hoa hồng nếu khách trúng lô 02 con, 03 con, 04 con đá xiên và đá thẳng, mỗi lô trúng được hưởng 10.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số thì C và người tên A2 sẽ tính số tiền thắng, thua và hoa hồng thông qua số tài khoản 7101000628656 của Ngân hàng cổ phần Đ2 (B2) tên Nguyễn Thanh T6.

Nguyễn Thanh T6 đã nhận ghi số đề của những người sau đây:

- Nguyễn Tấn T: Khoảng tháng 8/2023 Nguyễn Tấn T bắt đầu làm đại lý nhận ghi số đề cho Nguyễn Thanh T6 để hưởng tiền hoa hồng. Cả hai thống nhất về tiền hoa hồng như sau: đối với số bao lô Tấn Tài nhận của cấp dưới là 12.600 đồng, Thanh T6 sẽ nhận lại với số tiền 12.500 đồng, đánh đầu hoặc đuôi 03 số, Tấn T nhận của cấp dưới tỷ lệ 1 thắng 70 và chuyển cho Thanh Tài tỷ lệ 1 thắng 60. Đối với các đài miền Bắc điểm 01 lô lấy của đại lý cấp dưới 19.000 đồng chuyển cho Tài ba đô 18.900 đồng. Tấn Tài nhận phơi số đề của con bạc sau đó tập hợp chuyển qua tin nhắn của ứng dụng Telegam cho Thanh T6. Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc Tấn T sẽ đến cửa hàng kinh doanh vàng để nhờ chuyển khoản.

Ngày 23/02/2024 Nguyễn Tấn T sử dụng tài khoản Telegram tên "Nguyễn T14" chuyển 03 (ba) tin nhắn có chưa phơi số đề đến tài khoản Telegram tên T "ba đô" cho Nguyễn Thanh T6, với tổng số tiền xác là 12.222.900 (Mười hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn chín trăm đồng) đồng, tiền trúng số là 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc là 28.722.900 đồng.

- Cao Hoài A: Khoảng 15 giờ 55 phút ngày 23/02/2024 Cao Hoài A sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone XS Max đăng nhập tài khoản Telegam tên "Cao Hoài A" (đăng ký bằng số điện thoại sim rác) nhắn tin đến tài khoản Telegram tên "Tài ba đô" của Nguyễn Thanh T6 tổng cộng 33 tin nhắn có chứa phơi số đề, tiền xác là 82.743.000 (tám mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, gồm tiền xác miền N là 46.135.000 đồng, miền T là 23.350.400 đồng, miền B là 13.257.600 đồng. Tiền trúng các đài miền N, miền T là 61.870.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ngoài ra cùng ngày Cao Hoài A còn sử dụng điện thoại Iphone XS Max số sim khuyến mãi không nhớ (hiện tại điện thoại gắn sim số trên bị cáo A đã vứt bỏ ở thành phố M) nhắn tin SMS cho Nguyễn Trung H10 gửi 01 tin nhắn có

chứa phơi số đề với số tiền xác là 3.110.300 (Ba triệu một trăm mười nghìn ba trăm) đồng, tiền trúng là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền tham gia đánh bạc của Cao Hoài A là 82.743.000 đồng + 3.110.300 đồng + 61.870.000 đồng + 2.100.000 đồng = 149.823.300 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu tám trăm hai mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Số tiền tổ chức đánh bạc của Nguyễn Thanh T6 là 28.722.900 đồng + 144.613.000 đồng = 173.335.900 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm đồng).

*** Đối với bị cáo Nguyễn Tấn T:** Hàng ngày Tấn T sử dụng điện thoại Samsung không nhớ sim số gắn đăng nhập vào tại khoản Telegram để mua bán số đề với Nguyễn Văn Chí L3 và Lê Hoàng S sau đó chuyển các phơi số đề cho bị cáo Nguyễn Thanh T6. Quy ước tỷ lệ thắng với đại lý cấp dưới như sau: số lô 02 con bị cáo L3 nhận của con bạc 12.6 và giao cho Tấn T là 12.5, còn 03 con, 04 con L3 nhận của con bạc tỷ lệ 70%, giao cho Tấn T là 60%, miền B bao lô nhận của con bạc là 19.000 đồng giao lại cho Tấn T là 18.900 đồng. Thanh toán tiền trực tiếp bằng tiền mặt, cụ thể:

Ngày 23/02/2024 Nguyễn Tấn T sử dụng tài khoản Telegram tên "Nguyễn T14" (không nhớ số điện thoại đăng ký) nhận 01 tin nhắn có chưa phơi đề của của Nguyễn Văn Chí L3 qua tài khoản Telegram tên "Báo Đ1" với số tiền xác là 3.110.300 đồng, tiền trúng 2.100.000 đồng và nhận 02 tin nhắn có chứa phơi số đề của Lê Hoàng S qua tài khoản Telegram tên "AQ", tổng tiền xác là 9.112.600 đồng (Chín triệu một trăm mười hai nghìn sáu trăm đồng), tiền trúng số là 14.400.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

- Số tiền đánh bạc của Lê Hoàng S là 9.112.600 đồng + 14.400.000 đồng = 23.512.600 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm mười hai nghìn sáu trăm đồng).

- Số tiền tổ chức đánh bạc của Nguyễn Tấn T là 5.210.300 đồng + 23.512.600 đồng = 28.722.900 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn chín trăm đồng).

*** Đối với bị cáo Nguyễn Văn Chí L3**

Ngày 23/02/2024 Nguyễn Huỳnh Trọng H8 sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung (sim khuyến mãi không nhớ số) gửi 01 tin nhắn có chứa phơi số đề cho tài khoản Telegram của Nguyễn Văn Chí L3 với tổng tiền xác là 3.110.300 đồng (Ba triệu một trăm mười nghìn ba trăm đồng), tiền trúng miền N, miền T11 là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng). Do bị phát hiện trước khi có kết quả xổ số các đài miền B nên không tính thắng thua.

Bị cáo H8 khai tin nhắn phơi đề trên nhận từ Cao Hoài A.

- Số tiền đánh bạc của Nguyễn Văn Chí L3, Nguyễn Huỳnh Trọng H8 là 3.110.300 đồng + 2.100.000 đồng = 5.210.300 đồng.

*** Vật chứng thu giữ trong vụ án:**

- 01 điện thoại Iphone màu hồng số IMEL 3592.1707.2521.096 kèm theo sim số 0949.711.959; 01 sim điện thoại số 0374.119.948; 01 sim điện thoại số 0364.456.246 thu giữ của Đặng Thị C.

- 01 điện thoại OPPO số IMEI1 869904053488832, IMEI2 869904053488824, kèm theo sim số 0344.182.106 thu giữ của Nguyễn Thanh T6.

- 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng gold kèm theo sim số 0981.989.647 do Nguyễn Hoài B giao nộp.

- 01 điện thoại S4 đã bị vở thành nhiều mảnh thu giữ của Nguyễn Tấn T.

- 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 15 Promax; 01 điện thoại kiểu dáng Iphone X; 01 điện thoại Nokia màu vàng; 01 điện thoại Nokia màu trắng-nâu thu giữ của Nguyễn Tấn T.

- 01 điện thoại Iphone 12 Promax số IMEI 3567.3411.3043.362; IMEI2 356734113435295; MEID 35673411304336; 01 (một) điện thoại Iphone 12 Promax số IMEI 3567.1711.6402.636, IMEI2 356717116456004; MEID 35671711640263; 01 điện thoại Nokia màu đen số seri 3531.0211.0071.922, số seri 2: 353102110546424 thu giữ của Nguyễn Văn Chí L3.

- 01 điện thoại Iphone 12 Promax số IMEI 3501.4178.3909.532, IMEI2 350141783936576; MEID 35014178390953, kèm theo sim số 0332.002.996 thu giữ của Nguyễn Huỳnh Trọng H8;

- 01 điện thoại Iphone 6S số IMEL 3566.4708.7511.513 kèm theo sim số 0359.945.815 thu giữ của Cao Hoài A.

- 01 điện thoại Samsung số IMEL 3564.1811.9339.921 kèm theo sim số có chữ fone số 0766.827.593 thu giữ của Nguyễn Thị Hải P.

- 03 quyển sổ (02 quyển sổ bìa màu xanh, trên bìa có ghi "quyển số 1", "quyển số 2"; 01 quyển sổ trên bìa có chữ "THẾ HỆ MỚI").

*** Kết luận giám định số 764/KL-KTHS ngày 18/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:**

- Tìm thấy dữ liệu trong 14 điện thoại di động cần giám định:

* Điện thoại di động Ký hiệu A

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (có in số trên SIM: 89840200011402049967): 0949 711 959.

+ Số thuê bao của S1 điện thoại (có in số trên SIM: 8984048000909880 824): 0374 119 948.

+ Số thuê bao của S1 điện thoại (có in số trên SIM: 8984048000386923106): 0364 456 246.

+ Tên tài khoản Z đang sử dụng trong máy: "Su Su" (điện thoại: +84 364456246).

+ Tên tài khoản Facebook đang sử dụng trong máy: "Su Su".

+ Tên tài khoản Telegram: "1978 L3" (+84 364456 246).

+ Tìm thấy: 1041 tin nhắn SMS, 2398 tin nhắn Zalo, 32 tin nhắn Viber.

+ Không tìm thấy dữ liệu Facebook, T15 trong máy.

* Điện thoại di động Ký hiệu B

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (có in số trên SIM: 8984048000923320971): 0334182106.

+ Tên tài khoản Z: không xác định do tài khoản đã đăng xuất.

+ Tên tài khoản Facebook đang sử dụng trong máy: "Tài Ba Đô".

+ Tên tài khoản Telegram: "tai ba đô" (+84 961491587).

+ Tìm thấy: 146 tin nhắn SMS, 29 tin nhắn Zalo, 203 tin nhắn Facebook, 496 tin nhắn Facebook Messenger, 242 tin nhắn Telegram.

* Điện thoại di động Ký hiệu C

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (có in số trên SIM: 8984048000908929606): 0981989647.

+ Tên tài khoản Z dang sử dụng trong máy: "Hoa Cam Chuong" (điện thoại: +84 942151539).

+ Tên tài khoản Facebook đang sử dụng trong máy: "Phượng Linh".

+ Tên tài khoản Telegram: "linh" (+84 368311159).

+ Tìm thấy: 1782 tin nhắn SMS, 10812 tin nhắn Zalo, 403 tin nhắn Facebook, 104 tin nhắn Line, 214 tin nhắn Viber.

+ Không tìm thấy dữ liệu T15 trong máy.

* Không đọc được dữ liệu lưu trong điện thoại di động Ký hiệu D.

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (có in số trên SIM: 8984048000922937994): không xác định.

* Điện thoại di động Ký hiệu D1

+ Số thuê bao của Sim điện thoại trong máy (số ICCID: 8984048000388533194): 0924683878.

+ Tên tài khoản Z đang sử dụng trong máy: “Tài Quậy” (điện thoại: +84 924683878).

+ Tên tài khoản Facebook tìm thấy trong máy: “Tài Q1".

+ Tìm thấy: 93 tin nhắn SMS, 29429 tin nhắn Zalo, 5215 tin nhắn Facebook, 32 tin nhắn Viber.

+ Không tìm thấy dữ liệu T15 trong máy.

* Điện thoại di động Ký hiệu D2

+ Số thuê bao của Sim điện thoại trong máy (có in số trên SIM: 89840200010890741705): 0945031195.

+ Tên tài khoản Facebook tìm thấy trong máy: “Tài Q1".

+ Tìm thấy: 03 tin nhắn SMS, 14 tin nhắn Facebook.

+ Không tìm thấy dữ liệu Z, T15 trong máy.

* Điện thoại di động Ký hiệu D3

+ Số thuê bao của Sim điện thoại trong máy (có in số trên SIM: 8984048000927234115): không xác định.

+ Tìm thấy: 49 danh bạ điện thoại, 15 nhật ký cuộc gọi, 01 tin nhắn SMS.

+ Không tìm thấy dữ liệu Z, Facebook, T15 trong máy.

* Điện thoại di động Ký hiệu D4

+ Tìm thấy: 08 danh bạ điện thoại, 14 tin nhắn SMS.

+ Không tìm thấy dữ liệu Z, Facebook, T15 và thẻ SIM trong máy.

* Không đọc được dữ liệu lưu trong điện thoại di động Ký hiệu E.

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (có in số trên SIM: 8984048000388733440): không xác định.

* Điện thoại di động Ký hiệu E1

+ Số thuê bao của Sim điện thoại trong máy (có in số trên SIM: 8984048000924775511): 0395473885.

+ Tìm thấy: 58 tin nhắn SMS.

+ Không tìm thấy dữ liệu Z, Facebook, T15 trong máy.

* Điện thoại di động Ký hiệu E2

+ Số thuê bao của Sim điện thoại trong máy (có in số trên SIM: 8401221292182570): không xác định.

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (có in số trên SIM: 8401220992147937): không xác định.

+ Tìm thấy: 12 tin nhắn SMS.

+ Không tìm thấy dữ liệu Z, Facebook, T15 trong máy.

* Điện thoại di động Ký hiệu F

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (có in số trên SIM: 8984048000047869397): 0332002996.

+ Tên tài khoản Z đang sử dụng trong máy: "Huỳnh Hiếu" (điện thoại: +84 332002996).

+ Tên tài khoản Facebook đang sử dụng trong máy: "Huỳnh Hiếu",

+ Tên tài khoản Facebook đã đăng nhập trong máy: "Cherry N5"; "Tiến Đạt".

+ Tìm thấy: 512 tin nhắn SMS, 2290 tin nhắn Zalo, 12116 tin nhắn Facebook.

+ Không tìm thấy dữ liệu T15 trong máy.

* Điện thoại di động Ký hiệu G

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (có in số trên SIM: 8984048000922990289): 0359945815.

+ Tên tài khoản Z đang sử dụng trong máy: "pham mai" (điện thoại: +84 359945815).

+ Tên tài khoản Facebook đang sử dụng trong máy: "Mai Kim".

+ Tên tài khoản Facebook đã đăng nhập trong máy: "Lê Dũng"; "Mai Pham"; "Nguyễn N6"; "Nhi N7".

+ Tìm thấy: 03 tin nhắn SMS, 14 tin nhắn Facebook.

+ Không tìm thấy dữ liệu Z, T15 trong máy.

* Điện thoại di động Ký hiệu H

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (ICCID: 8984011209923954721): không xác định.

+ Tên tài khoản Zalo: "Phòng N7" (Điện thoại: +84 766 827 593).

+ Tên tài khoản Facebook tìm thấy trong máy: "Phòng Nguyễn", "Huỳnh Đạt".

+ Tìm thấy: 450 tin nhắn SMS, 2381 tin nhắn Zalo, 656 tin nhắn Facebook.

+ Không tìm thấy dữ liệu T15 trong máy.

Kèm theo Kết luận giám định: 01 đĩa DVD lưu dữ liệu tìm thấy (tập tin tên "764KLKTHS1872024.rar", dung lượng 03GB).

*** Tại Bản kết luận giám định số 1083/KL-KTHS ngày 11/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong điện thoại di động cần giám định, kết quả như sau:**

- Điện thoại di động ký hiệu A

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (ICCID: 8984012310920293475): không xác định.

+ Tìm thấy: 39 tin nhắn SMS.

+ Không tìm thấy tin nhắn Z, F và T15 có liên quan đến hoạt động mua bán số đề.

- Điện thoại di động ký hiệu B

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (ICCID: 8984012207921005546): không xác định.

+ Tìm thấy: 137 tin nhắn SMS.

+ Không tìm thấy tin nhắn Z, F và T15 có liên quan đến hoạt động mua bán số đề.

- Điện thoại di động ký hiệu C

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (ICCID: 89840480000015654900): không xác định.

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (ICCID: 8984010908977403715): không xác định.

+ Tìm thấy: 40 tin nhắn SMS.

+ Không tìm thấy tin nhắn Z, F và T15 có liên quan đến hoạt động mua bán số đề.

- Điện thoại di động ký hiệu D

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (ICCID: 8984012304922813125): không xác định.

+ Tìm thấy: 05 tin nhắn SMS.

+ Không tìm thấy tin nhắn Z, F và T15 có liên quan đến hoạt động mua bán số đế.

Điện thoại di động ký hiệu E

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (ICCID: 89840480003238814335): không xác định.

+ Tìm thấy: 123 tin nhắn SMS, 7372 dữ liệu Zalo, 153 dữ liệu Facebook, 363 dữ liệu Facebook Messenger.

+ Không tìm thấy tin nhắn T15 có liên quan đến hoạt động mua bán số đề.

- Điện thoại di động ký hiệu F

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (ICCID: 89840200011270659368): "0857294787".

+ Số thuê bao của S1 điện thoại trong máy (ICCID: 89840480003039725631): "0397057880".

+ Tìm thấy: 14 tin nhắn SMS, 9357 dữ liệu Zalo, 4202 dữ liệu Facebook, 2275 dữ liệu Facebook Messenger.

+ Không tìm thấy tin nhắn T15 có liên quan đến hoạt động mua bán số đề.

Kèm theo kết luận giám định: 01 (một) tập tin dữ liệu tên "1083KL111124.rar" dung lượng 1,40GB.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSCT ngày 31/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo Đặng Thị C, về tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự;

- Bị cáo Nguyễn Thành T9, Nguyễn Tấn T về tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Hoài B về tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc" theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Thị Hải P, Cao Hoài A, Nguyễn Anh H1, Trần Thị H, về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

- Bị cáo Mai Thị Phương G1, Nguyễn Huỳnh Trọng H8, Nguyễn Văn Chí L3 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có thay đổi một phần về điều luật truy tố đối với các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thanh T6 chỉ tổ chức đánh bạc vào ngày 23/02/2024 nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội "02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo Nguyễn Thanh T6 tổ chức đánh bạc với số tiền đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS, không có tình tiết định khung "tổ chức 02 chiếu bạc trở lên trong cùng 01 lúc mà tổng số tiền hiện vật trong cùng một lúc trị giá 5.000.000 đồng trở lên" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Tấn T nhận ghi số đề của 02 người và chuyển cho bị cáo Nguyễn Thanh T6 để hưởng tiền chêch lệch khi trúng thưởng nên phải chịu trách nhiệm hình sự cùng bị cáo Nguyễn Thanh T6 với vai trò đồng phạm về tội "Tổ chức đánh bạc" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS.

Các bị cáo Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Anh H1 tham gia đánh bạc nhiều lần vào nhiều ngày nhưng mỗi lần đánh bạc với số tiền dưới 50 triệu đồng nên chịu trách nhiệm về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang:

Tuyên bố:

1. Bị cáo **Đặng Thị C** phạm tội: "Tổ chức đánh bạc".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử phạt bị cáo Đặng Thị C 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2024

2. Bị cáo **Nguyễn Thanh T6** phạm tội "Tổ chức đánh bạc""

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s,b khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T6 01 năm 3 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án, trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 24/02/2024 đến ngày 31/12/2024.

3. Bị cáo **Nguyễn Tấn T** phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi chấp hành án, trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ 24/02/2024 đến ngày 31/12/2024

4. Bị cáo **Nguyễn Hoài B** phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc"

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s,b khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài B 02 năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc", 03 năm tù về tội "Đánh bạc", tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án

5. Bị cáo **Nguyễn Thị Hải P** phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải P 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi chấp hành án.

6. Bị cáo **Nguyễn Anh H1** phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s,b khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh H1 09 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi chấp hành án.

7. Bị cáo **Cao Hoài A** phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử phạt bị cáo Cao Hoài A 03 năm tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi chấp hành án.

8. Bị cáo **Trần Thị H** phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi chấp hành án.

9. Bị cáo **Mai Thị Phương G1** phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử phạt bị cáo Mai Thị Phương G1 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi chấp hành án.

10. Bị cáo **Nguyễn Huỳnh Trọng H8** phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Trọng H8 số tiền 30.000.000 đồng sung vào Ngân sách nhà nước.

11. Bị cáo **Nguyễn Văn Chí L3** phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Chí L3 10 tháng 07 ngày tù, bị cáo đã bị tạm giữ tạm giam từ ngày 24/02/2024 đến ngày 31/12/2024 10 tháng 07 ngày xem như bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra trong bản án còn quyết định về xử lý vật chứng và án phí thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/4/2025, bị cáo Đặng Thị C có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 26/4/2025, bị cáo Nguyễn Tấn T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 26/4/2025, bị cáo Nguyễn Hoài B có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 28/4/2025, bị cáo Nguyễn Thị Hải P có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 28/4/2025, bị cáo Nguyễn Anh H1 có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 26/4/2025, bị cáo Cao Hoài A có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 25/4/2025, bị cáo Trần Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 22/4/2025, bị cáo Mai Thị Phương G1 có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Đặng Thị C, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Anh H1, Cao Hoài A, Trần Thị H Mai Thị Phương G1 khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Tháp). Các phần khác của bản án không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Đặng Thị C, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Anh H1, Cao Hoài A, Trần Thị H, Mai Thị Phương G1 đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như bản án sơ thẩm đã nhận định. Lời khai nhận tội của các bị cáo, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 01 năm 2023 đến ngày 23 tháng 02 năm 2024 trên địa bàn huyện C, tỉnh Tiền Giang, bị cáo Đặng Thị C đã tổ chức cho 12 người chơi đánh bạc dưới hình thức ghi đề với tổng số tiền 2.909.443.440 đồng, thu lợi bất chính 66.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Hoài B có hành vi giúp sức cho bị cáo Đặng Thị C vào ngày 23/02/2024 với số tiền tổ chức đánh bạc là 584.928.940 đồng, chưa thu lợi bất chính thì bị bắt. Bị cáo Nguyễn Thanh T6 tổ chức cho 02 người chơi đánh bạc với tổng số tiền 173.335.900 đồng, thu lợi bất chính 40.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Tấn T đã tổ chức cho 02 người chơi đánh bạc với tổng số tiền là 28.722.900 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Hải P tham gia đánh bạc trong 20 ngày, số tiền dùng đánh bạc 405.757.500 đồng. Trong đó số tiền đánh bạc mỗi ngày hơn 5.000.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 178.700.000 đồng.

Bị cáo Cao Hoài A tham gia đánh bạc trong hai chiếu bạc vào ngày 23/02/2024, số tiền dùng đánh bạc là 149.823.300 đồng. Trong đó số tiền tham

gia đánh bạc bốn lần như sau: 82.743.000 đồng, 3.110.300 đồng, 61.870.000 đồng và 2.100.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Anh H1 tham gia đánh bạc trong 06 ngày, số tiền dùng để đánh bạc là 105.454.900 đồng, số tiền mỗi ngày đánh bạc hơn 5.000.000 đồng. Thu lợi bất chính 16.800.000 đồng.

Bị cáo Trần Thị H tham gia đánh bạc 01 ngày, số tiền dùng để đánh bạc là 79.202.740 đồng, gồm số đánh bạc các đài miền N là 51.544.040 đồng, số tiền đánh bạc các đài miền T11 là 27.458.700 đồng.

Bị cáo Nguyễn Hoài B tham gia đánh bạc 01 ngày, số tiền dùng đánh bạc là 65.208.200 đồng, gồm tiền đài miền N là 46.888.800 đồng, tiền đánh bạc đài miền T là 18.319.400 đồng.

Bị cáo Mai Thị Phương G1 tham gia đánh bạc dưới hình thức ghi số đề, với tổng tiền dùng để đánh bạc là 46.168.600 đồng, gồm tiền đánh bạc đài miền bắc là 8.221.500 đồng, tiền đánh bạc đài miền N là 30.387.100 đồng, tiền đánh bạc đài miền T là 7.560.000 đồng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo Đặng Thị C, Nguyễn Thành T9, Nguyễn Tấn T là người trực tiếp thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc, bị cáo Nguyễn Hoài B giúp sức cho bị cáo C trong việc tổ chức đánh bạc vào ngày 23/02/2024. Các bị cáo Cao Hoài A, Mai Thị Phương G1, Nguyễn Thị Hải P, Trần Thị H, Trần Anh H11, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Văn Chí L3, Nguyễn Huỳnh Trọng H8 là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc.

Hành vi của bị cáo Đặng Thị C đã phạm vào tội "Tổ chức đánh bạc" được quy định tại khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn T đã phạm vào tội "Tổ chức đánh bạc" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoài B đã phạm vào tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 và điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hải P đã phạm vào tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Anh H1 đã phạm vào tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Cao Hoài A đã phạm vào tội "Đánh bạc" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Trần Thị H đã phạm vào tội "Đánh bạc" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Mai Thị Phương G1 đã phạm vào tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, hành vi tổ chức đánh bạc là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, các bị cáo vẫn cố ý phạm tội nên cần xử nghiêm minh nhằm giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Đặng Thị C, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Anh H1, Cao Hoài A, Trần Thị H, Mai Thị Phương G1 xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

3.1 Xét các bị cáo: Đặng Thị C, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Anh H1, Cao Hoài A, Trần Thị H, Mai Thị Phương G1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt:

- Đối với bị cáo Đặng Thị C, trong khoảng thời gian từ tháng 1/2023 đến ngày 23/02/2024 bị cáo tổ chức cho 12 người chơi đánh bạc với hình thức ghi số đề với tổng số tiền 2.909.443.440 đồng, thu lợi bất chính 66.000.000 đồng. Trong quá trình xét xử ở giai đoạn sơ thẩm gia đình bị cáo có nộp 20.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo có một tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Tòa sơ thẩm xử bị cáo Đặng Thị C về tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thị C 05 năm 6 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo Đặng Thị C kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

- Đối với bị cáo Nguyễn Tấn T tổ chức cho hai người chơi đánh bạc, số tiền là 28.722.900 đồng. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2013 phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị phạt 07 năm tù, đã được xóa án tích và năm 2014 bị xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về tội tàng trữ trái phép vũ khí. Vì vậy Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T về tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 01 năm 3 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo Nguyễn Tấn T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

- Đối với bị cáo Nguyễn Hoài B có hành vi giúp sức cho bị cáo Đặng Thị C vào ngày 23/02/2024 với số tiền tổ chức đánh bạc là 584.928.940 đồng, chưa thu lợi bất chính thì bị bắt và tham gia đánh bạc 01 ngày, số tiền dùng đánh bạc

là 65.208.200 đồng, gồm tiền đài miền N là 46.888.800 đồng, tiền đánh bạc đài miền T là 18.319.400 đồng. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài B về tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài B 02 năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc"; 03 năm tù về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo Nguyễn Hoài B kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Hải P tham gia đánh bạc trong 20 ngày, số tiền dùng đánh bạc 405.757.500 đồng. Trong đó số tiền đánh bạc mỗi ngày hơn 5.000.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 178.700.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Hải P có 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có 01 tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải P về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải P 02 năm 6 tháng tù về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo Nguyễn Thị Hải P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

- Đối với bị cáo Nguyễn Anh H1 tham gia đánh bạc trong 6 ngày, số tiền dùng đánh bạc 105.454.900 đồng. Trong đó số tiền đánh bạc mỗi ngày hơn 5.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Anh H1 có 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có 01 tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Anh H1 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Anh H1 09 tháng tù về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo Nguyễn Anh H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H1.

- Đối với bị cáo Cao Hoài A tham gia đánh bạc trong hai chiếu bạc vào ngày 23/02/2024, số tiền dùng đánh bạc là 149.823.300 đồng. Trong đó số tiền tham gia đánh bạc bốn lần như sau: 82.743.000 đồng, 3.110.300 đồng, 61.870.000 đồng và 2.100.000 đồng. Bị cáo Cao Hoài A có 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có 01 tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo Cao Hoài A về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Hoài A 03 năm tù về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo Cao Hoài A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A.

- Đối với bị cáo Trần Thị H tham gia đánh bạc 01 ngày, số tiền dùng để đánh bạc là 79.202.740 đồng, gồm số đánh bạc các đài miền N là 51.544.040 đồng, số tiền đánh bạc các đài miền T11 là 27.458.700 đồng. Bị cáo Trần Thị H có 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có 01 tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Thị H về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Về mức hình phạt, Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Thị H 03 năm tù 6 tháng tù về tội "Đánh bạc" là nặng so với mức hình phạt với bị cáo Cao Hoài A nên Hội đồng xét xử xét giảm cho bị cáo H một phần hình phạt.

- Đối với bị cáo Mai Thị Phương G1 tham gia đánh bạc dưới hình thức ghi số đề, với tổng tiền dùng để đánh bạc là 46.168.600 đồng, gồm tiền đánh bạc đài miền bắc là 8.221.500 đồng, tiền đánh bạc đài miền N là 30.387.100 đồng, tiền đánh bạc đài miền T là 7.560.000 đồng. Bị cáo Mai Thị Phương G1 có 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có 01 tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo Mai Thị Phương G1 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Về mức hình phạt, Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo Mai Thị Phương G1 năm 01 năm 3 tháng tù về tội "Đánh bạc" là nặng so với mức hình phạt với bị cáo Nguyễn Anh H1 nên Hội đồng xét xử xét giảm cho bị cáo G1 một phần hình phạt.

3.2 Xét bị cáo Đặng Thị C, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Anh H1, Cao Hoài A, Trần Thị H, Mai Thị Phương G1 xin được hưởng án treo:

Đối chiếu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao thì các bị cáo Đặng Thị C, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Anh H1, Cao Hoài A, Trần Thị H, Mai Thị Phương G1 không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Tổng hợp những phân tích như đã nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Đặng Thị C, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Anh H1, Cao Hoài A. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị H và Mai Thị Phương G1 như đã phân tích nêu trên.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở một phần và một phần phù hợp của Hội đồng xét xử đối với các bị cáo Đặng Thị C, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Thị hải P, Nguyễn Anh H1, Cao Hoài an nên được

Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với bị cáo Trần Thị H và Mai Thị Phương G1 không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Các bị cáo Đặng Thị C, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Anh H1, Cao Hoài A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Thị H, Mai Thị Phương G1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Đặng Thị C, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Anh H1, Cao Hoài A.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị H và bị cáo Mai Thị Phương G1.

- Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp)

3. Tuyên bố:

3.1 Bị cáo **Đặng Thị C** phạm tội: "Tổ chức đánh bạc".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị C 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2024.

3.2 Bị cáo **Nguyễn Tấn T** phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi chấp hành án, trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ 24/02/2024 đến ngày 31/12/2024.

3.3 Bị cáo **Nguyễn Hoài B** phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc"

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321, Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài B 02 năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc", 03 năm tù về tội "Đánh bạc", tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án

3.4 Bị cáo **Nguyễn Thị Hải P** phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải P 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi chấp hành án.

3.5 Bị cáo **Nguyễn Anh H1** phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s,b khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh H1 09 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi chấp hành án.

3.6 Bị cáo **Cao Hoài A** phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Cao Hoài A 03 năm tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi chấp hành án.

3.7 Bị cáo **Trần Thị H** phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 03 năm tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi chấp hành án.

3.8 Bị cáo **Mai Thị Phương G1** phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Mai Thị Phương G1 6 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi chấp hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Mục 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đặng Thị C, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Thị Hải P, Nguyễn Anh H1, Cao Hoài A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trần Thị H, Mai Thị Phương G1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm - TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- TAND khu vực 3 - Đồng Tháp
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Ái Đoan